**Mẫu số 13**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
---------------**

**BẢN KHAI KINH NGHIỆM NGHỀ NGHIỆP**

**I. THÔNG TIN CHUNG**

Họ và tên: .........................................................................................................................

Ngày tháng năm sinh: ........................................................................................................

Số Chứng minh nhân dân/số thẻ Căn cước công dân/số định danh cá nhân, ... ngày cấp, nơi cấp….

Địa chỉ thường trú: số nhà, thôn/đường phố …………………….; xã/phường/ thị trấn ………… huyện/quận/thị xã …………… tỉnh/thành phố ……………..

Mã số bảo hiểm xã hội: .....................................................................................................

Thời gian đóng bảo hiểm xã hội1: từ tháng ... năm... đến ... tháng... năm...

Trình độ chuyên môn: ........................................................................................................

Tổ chức xác nhận2: ............................................................................................................

Mã số chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ đã được cấp: …………………..ngày cấp …………………………Cơ quan cấp: ..................................................................................................................................

**II. QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC THAM GIA HOẠT ĐỘNG ĐO ĐẠC VÀ BẢN ĐỒ**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên đề án, dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán nhiệm vụ đo đạc và bản đồ** | **Nội dung công việc đã tham gia** | **Vị trí đảm nhiệm, cơ quan thực hiện** | **Thời gian tham gia** |
| 1 |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |

Tôi xin cam đoan nội dung bản khai này là đúng sự thật, nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

|  |  |
| --- | --- |
| **XÁC NHẬN CỦA TỔ CHỨC** *(Ghi rõ chức vụ, họ, tên; ký và đóng dấu)* | *..., ngày ... tháng... năm...* **NGƯỜI KHAI** *(Ký và ghi rõ họ, tên)* |

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

1Thời gian đóng bảo hiểm xã hội tại tổ chức xác nhận.

2 Tổ chức xác nhận bản khai quá trình công tác của cá nhân tham gia thực hiện nhiệm vụ đo đạc và bản đồ tại đơn vị mình và chịu trách nhiệm về nội dung xác nhận. Trường hợp cá nhân đã công tác tại nhiêu tổ chức thì tại mỗi tổ chức công tác cá nhân phải có một bản kê khai được xác nhận.

**Phụ lục IB**

**SỐ LƯỢNG, TRÌNH ĐỘ CỦA NHÂN VIÊN KỸ THUẬT VỀ ĐO ĐẠC VÀ BẢN ĐỒ**

*(Kèm theo Nghị định số 136/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ)*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung hoạt động đo đạc và bản đồ phải có giấy phép** | **Số lượng tối thiểu (1)** | **Trình độ** |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* |
| 1 | Lập đề án, dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán nhiệm vụ đo đặc và bản đồ cơ bản, chuyên ngành | 03 | Đại học |
| 2 | Kiểm tra chất lượng sản phẩm đo đạc và bản đồ cơ bản, chuyên ngành | 03 | Đại học |
| 3 | Xây dựng mạng lưới tọa độ, độ cao, trọng lực quốc gia, cơ sở chuyên ngành | 06 | Tối thiểu 02 đại học |
| 4 | Thu nhận, xử lý dữ liệu ảnh hàng không |  |  |
| 4a | Thu nhận, xử lý dữ liệu ảnh hàng không từ tàu bay | 06 | Tối thiểu 02 đại học |
| 4b | Thu nhận, xử lý dữ liệu ảnh hàng không từ tàu bay không người lái | 04 | Tối thiểu 02 đại học |
| 5 | Xử lý dữ liệu ảnh viễn thám | 05 | Tối thiểu 02 đại học |
| 6 | Xây dựng cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia, thành lập bản đồ địa hình quốc gia |  |  |
| 6a | Xây dựng cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia, thành lập bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:2.000,1:5.000 | 05 | Tối thiểu 02 đại học |
| 6b | Xây dựng cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia, thành lập bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:10.000, 1:25.000, 1:50.000 | 05 | Tối thiểu 02 đại học |
| 6c | Xây dựng cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia, thành lập bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:100.000, 1:250.000, 1:500.000, 1:1.000.000 | 05 | Tối thiểu 02 đại học |
| 7 | Đo đạc, thành lập bản đồ địa hình tỷ lệ 1:500, 1:1.000, 1:2.000, 1:5.000 | 04 | Tối thiểu 02 đại học |
| 8 | Đo đạc, thành lập bản đồ địa hình đáy biển | 06 | Tối thiểu 03 đại học |
| 9 | Đo đạc, thành lập bản đồ địa giới hành chính | 04 | Tối thiểu 02 đại học |
| 10 | Đo đạc, thành lập bản đồ địa chính | 04 | Tối thiểu 02 đại học |
| 11 | Thành lập bản đồ hành chính | 04 | Tối thiểu 02 đại học |
| 12 | Đo đạc, thành lập hải đồ | 06 | Tối thiểu 03 đại học |
| 13 | Đo đạc, thành lập bản đồ công trình | 04 | Tối thiểu 02 đại học |

Ghi chú:

(1) Trường hợp tổ chức đề nghị cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ nhiều hơn 1 nội dung thì số lượng nhân viên kỹ thuật tối thiểu phải đáp ứng số lượng lớn nhất quy định tại cột 3 Phụ lục này đối với các nội dung tổ chức đề nghị cấp giấy phép.

(2) Đối với nội dung kiểm tra chất lượng sản phẩm đo đạc và bản đồ cơ bản, chuyên ngành thì phải có 02 nhân viên kỹ thuật có trình độ đại học trở lên có thời gian hoạt động thực tế tối thiểu 05 năm phù hợp với các nội dung kiểm tra chất lượng sản phẩm đo đạc và bản đồ cơ bản, chuyên ngành.

**Phụ lục IC**

**DANH MỤC PHƯƠNG TIỆN ĐO, THIẾT BỊ, PHẦN MỀM**

*(Kèm theo Nghị định số 136/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ)*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung hoạt động đo đạc và bản đồ phải có giấy phép** | **Danh mục phương tiện đo, thiết bị, phần mềm(1)** |
| (1) | (2) | (3) |
| 1 | Lập đề án, dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán nhiệm vụ đo đạc và bản đồ cơ bản, chuyên ngành |  |
| 2 | Kiểm tra chất lượng sản phẩm đo đạc và bản đồ cơ bản, chuyên ngành | Toàn đạc điện tử  Phương tiện đo thủy chuẩn  Phương tiện đo định vị bằng vệ tinh  Phần mềm xử lý dữ liệu đo đạc và bản đồ |
| 3 | Xây dựng mạng lưới tọa độ, độ cao, trọng lực quốc gia, cơ sở chuyên ngành | Phương tiện đo định vị bằng vệ tinh  Phương tiện đo thủy chuẩn  Phương tiện đo trọng lực  Phần mềm tính toán mạng lưới tọa độ, độ cao, trọng lực |
| 4 | Thu nhận, xử lý dữ liệu ảnh hàng không |  |
| 4a | Thu nhận, xử lý dữ liệu ảnh hàng không từ tàu bay | Hệ thống thiết bị thu nhận dữ liệu ảnh hàng không gắn trên tàu bay  Phương tiện đo định vị bằng vệ tinh  Phần mềm xử lý dữ liệu ảnh hàng không từ tàu bay |
| 4b | Thu nhận, xử lý dữ liệu ảnh hàng không từ tàu bay không người lái | Hệ thống tàu bay không người lái và thiết bị thu nhận dữ liệu ảnh hàng không gắn trên tàu bay không người lái  Phương tiện đo định vị bằng vệ tinh  Phần mềm xử lý dữ liệu ảnh hàng không từ tàu bay không người lái |
| 5 | Xử lý dữ liệu ảnh viễn thám | Phương tiện đo định vị bằng vệ tinh Phần mềm xử lý dữ liệu ảnh viễn thám |
| 6 | Xây dựng cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia, thành lập bản đồ địa hình quốc gia |  |
| 6a | Xây dựng cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia, thành lập bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:2.000, 1:5.000 | Toàn đạc điện tử  Phương tiện đo thủy chuẩn  Phương tiện đo định vị bằng vệ tinh  Phần mềm xử lý dữ liệu ảnh hàng không hoặc LiDAR  Phần mềm xây dựng cơ sở dữ liệu nền địa lý |
| 6b | Xây dựng cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia, thành lập bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:10.000, 1:25.000, 1:50.000 | Toàn đạc điện tử  Phương tiện đo định vị bằng vệ tinh  Phần mềm xử lý dữ liệu ảnh hàng không, viễn thám  Phần mềm xây dựng cơ sở dữ liệu nền địa lý |
| 6c | Xây dựng cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia, thành lập bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:100.000, 1:250.000, 1:500.000, 1:1.000.000. | Phần mềm xử lý dữ liệu ảnh viễn thám  Phần mềm xây dựng cơ sở dữ liệu nền địa lý |
| 7 | Đo đạc, thành lập bản đồ địa hình tỷ lệ 1:500, 1:1.000, 1:2.000, 1:5.000 | Toàn đạc điện tử  Phương tiện đo thủy chuẩn  Phương tiện đo định vị bằng vệ tinh  Phần mềm thành lập bản đồ địa hình |
| 8 | Đo đạc, thành lập bản đồ địa hình đáy biển | Toàn đạc điện tử  Phương tiện đo thủy chuẩn  Phương tiện đo định vị bằng vệ tinh  Phương tiện đo độ sâu đáy nước  Phần mềm thành lập bản đồ địa hình đáy biển |
| 9 | Đo đạc, thành lập bản đồ địa giới hành chính | Toàn đạc điện tử  Phương tiện đo định vị bằng vệ tinh  Phần mềm thành lập bản đồ địa giới hành chính |
| 10 | Đo đạc, thành lập bản đồ địa chính | Toàn đạc điện tử  Phương tiện đo định vị bằng vệ tinh  Phần mềm thành lập bản đồ địa chính |
| 11 | Thành lập bản đồ hành chính | Máy in A0  Phần mềm thành lập bản đồ hành chính |
| 12 | Đo đạc, thành lập hải đồ | Phương tiện đo định vị bằng vệ tinh  Phương tiện đo độ sâu đáy nước  Phần mềm thành lập hải đồ |
| 13 | Đo đạc, thành lập bản đồ công trình | Toàn đạc điện tử  Phương tiện đo thủy chuẩn  Phương tiện đo định vị bằng vệ tinh  Phần mềm thành lập bản đồ công trình |

(1) Danh mục phương tiện đo, thiết bị, phần mềm cùng loại tại cột (3) được dùng chung trong trường hợp tổ chức đề nghị cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ nhiều hơn 01 nội dung.